

XI. Số thực

1. Số thực

- Số hữu tỉ và số vô tỉ được gọi chung là số thực.
Tập hợp các số thực được kí hiệu là $\mathbb{R}$.
- Với hai số thực x, y bất kì, ta luôn có hoặc $x = y$ hoặc $x < y$, hoặc $x > y$.
- Với a, b là hai số thực dương, ta có: nếu $a > b$ thì $\sqrt{a} > \sqrt{b}$.

2. Trục số thực

- Người ta chứng minh được rằng:
 - Mỗi số thực được biểu diễn bởi một điểm trên trục số.
 - Ngược lại, mỗi điểm trên trục số đều biểu diễn một số thực.Như vậy, có thể nói rằng các điểm biểu diễn số thực đã lấp đầy trục số.
- Vì thế, trục số còn được gọi là *trục số thực*.
- Trong tập hợp các số thực cũng có các phép toán với các tính chất tương tự như các phép toán trong tập hợp các số hữu tỉ.

2. CÁC ĐỀ TOÁN

ĐỀ 1

Câu 1. Chọn khẳng định đúng:

- A. $\mathbb{N} \subset \mathbb{Q}$ B. $\mathbb{Z} \subset \mathbb{N}$ C. $\mathbb{Q} \subset \mathbb{Z}$ D. $\mathbb{Z} \supset \mathbb{Q}$.

Câu 2. Chọn khẳng định đúng:

Kết quả của phép tính $\frac{-7}{12} + \frac{-5}{16}$ là:

- A. $\frac{-12}{16}$ B. $\frac{-2}{16}$ C. $\frac{-1}{6}$ D. $\frac{-43}{48}$.

Câu 3. Chọn câu trả lời đúng:

Trong các phân số sau $\frac{-4}{6}; \frac{4}{6}; \frac{-9}{6}; \frac{-10}{15}; \frac{-14}{21}$

những phân số biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{2}{3}$ là:

- A. $\frac{-4}{6}; \frac{4}{6}; \frac{-9}{6}$ B. $\frac{-4}{6}; \frac{-10}{15}; \frac{-14}{21}$
C. $\frac{-9}{6}; \frac{-10}{15}; \frac{-14}{21}$ D. $\frac{4}{6}; \frac{-10}{15}; \frac{-14}{21}$.

Câu 4. Chọn câu trả lời đúng:

Kết quả của phép tính $\frac{-2}{11} \cdot \frac{55}{17}$ là:

- A. $\frac{-10}{17}$ B. $\frac{-110}{187}$ C. $\frac{-110}{17}$ D. $\frac{-10}{187}$.

Câu 5. Chọn câu trả lời đúng:

Kết quả của phép tính $\left(\frac{-8}{25}\right) : 6$ là:

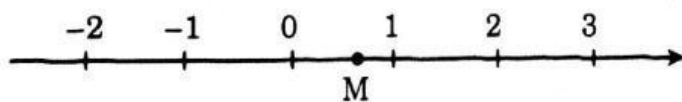
- A. $\frac{-48}{25}$ B. $\frac{-48}{75}$ C. $\frac{-4}{75}$ D. $\frac{-8}{75}$.

Câu 6. Chọn câu khẳng định đúng:

- A. $-7 \in \mathbb{N}$ B. $\frac{-7}{4} \in \mathbb{N}$ C. $\frac{-7}{4} \in \mathbb{Z}$ D. $\frac{-7}{4} \in \mathbb{Q}$.

Câu 7. Chọn câu trả lời đúng:

Cho hình vẽ sau:



Điểm M biểu diễn số hữu tỉ nào?

- A. 1 B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{2}{3}$ D. $\frac{3}{2}$.

Câu 8. Chọn câu trả lời đúng:

Kết quả của phép tính $\frac{5}{24} - \left(-\frac{1}{16}\right)$ là:

- A. $\frac{7}{48}$ B. $\frac{-1}{16}$ C. $\frac{-7}{48}$ D. $\frac{13}{48}$.

Câu 9. Chọn câu trả lời đúng:

Số hữu tỉ $\frac{-5}{18}$ viết dưới dạng tích của hai số hữu tỉ là:

- A. $\frac{-5}{3} \cdot \frac{1}{6}$ B. $\frac{1}{5}(-18)$ C. $\left(-\frac{1}{5}\right):18$ D. $\frac{-3}{5} \cdot \frac{1}{6}$.

Câu 10. Chọn khẳng định đúng:

- A. $|-4,9| = -4,9$ B. $|-4,9| = 4,9$
C. $|-4,9| = \pm 4,9$ D. $|-4,9| \in \emptyset$.

Câu 11. Chọn câu trả lời đúng:

Tìm x, biết $|x| = \frac{3}{5}$

A. $x = \frac{3}{5}$

B. $x = \frac{-3}{5}$

C. $x = \frac{3}{5}$ hoặc $x = \frac{-3}{5}$

D. $x = 0$ hoặc $x = \frac{3}{5}$.

Câu 12. Chọn câu trả lời đúng:

Kết quả của phép tính

$$|-4,6| : |-2,3| - (-0,3) \text{ là:}$$

A. 2,3

B. -2,3

C. 1,7

D. 0.

Câu 13. Chọn câu trả lời đúng:

Tìm x, biết $x - \frac{3}{5} = \frac{4}{7}$

A. $x = \frac{5}{11}$

B. $x = \frac{41}{35}$

C. $x = 1$

D. $x = \frac{1}{2}$.

Câu 14. Chọn câu trả lời đúng:

Tính $\left(-\frac{1}{2}\right)^3$

A. $\frac{1}{8}$

B. $\frac{-3}{6}$

C. $\frac{-3}{2}$

D. $\frac{-1}{8}$.

Câu 15. Chọn câu trả lời đúng:

Kết quả của phép tính

$$\left(-\frac{1}{3}\right)^2 + \left(-\frac{2}{5}\right)^3 \cdot 125 - \left(-\frac{95}{15}\right)^0 \text{ là:}$$

A. $\frac{-9}{80}$

B. $\frac{-80}{9}$

C. $\frac{-1}{8}$

D. $\frac{-8}{9}$.

Câu 16. Chọn câu trả lời đúng:

Tính $(-0,2)^5$

A. -0,00002

B. -10

C. -0,00032

D. 32.

Câu 17. Chọn câu trả lời đúng:

Cho tỉ lệ thức $\frac{x}{16} = \frac{-3}{4}$. Tìm x:

A. $x = -12$

B. $x = -48$

C. $x = \frac{-64}{3}$

D. $x = \frac{9}{16}$.